

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 8 - 2024
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa
2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 354/2024/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST - HN ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp Đ D, xã TM, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

Hiện trú tại: Ấp TH, xã HP, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Trú tại: Ấp TH, xã HP, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh V kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/03/2024. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp

thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Anh V.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: anh Nguyễn Anh V tại Bản tự khai ngày 24/7/2024 trình bày:

Anh và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Phú vào ngày 14/3/2024. Vợ chồng sống chung được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do chị T không chung thủy, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh V đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: anh V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: anh V không yêu cầu giải quyết.

Anh V xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Hoà Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy trích lục kết hôn số 116/TLKH-BS ngày 08/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã Hoà Phú, thì chị Trần Thị T và anh Nguyễn Anh V đăng ký kết vào ngày 14/3/2024. Qua đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng, chị T và anh V không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V có văn bản đồng ý ly hôn yêu cầu khởi kiện của chị T. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: anh V và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Anh V.

2. Về con chung: Chị T và anh V không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001247 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú